

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1467/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 11 tháng 6 năm 2019***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5921/QĐ-BYT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 7291/QĐ-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Bảo hiểm y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mỹ phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung/thay thế/bị bãi bỏ trong lĩnh vực được phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/bãi bỏ trong lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ bị bãi bỏ lĩnh vực trang thiết bị y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-BYT ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí <i>(nếu có)</i>	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
I. Thủ tục hành chính mới ban hành (07 TTHC)									
1. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh (03 TTHC)									
1	BYT-BTN-287048	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	45 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	4.300.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	

2	BYT- BTN- 287049	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	60 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	2.500.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	BYT- BTN- 287050	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	60 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	2.500.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2. Lĩnh vực Trang thiết bị và công trình Y tế (02 TTHC)								
1	BYT- BTN-	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố	03 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

	287078	đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.		tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.				- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018.
2	BYT-BTN-287079	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.	03 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

3. Lĩnh vực Mỹ phẩm (01 TTHC)

1	BYT-BTN-287037	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước.	- Trường hợp cấp số tiếp nhận: 03 ngày . - Trường hợp chưa cấp số tiếp nhận: 05 ngày .	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Lệ phí: 500.000 đồng	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
---	----------------	--	---	--	----------	----	-------------------------	---

4. Lĩnh vực Dược phẩm (01 TTHC)

1	BYT-BTN-287045	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở	- 20 ngày đối với trường hợp không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung	Mức độ 2	Có	- Thẩm định đối với cơ sở bán buôn (GDP):	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/
---	----------------	--	---	--------------------------------------	----------	----	---	--

		kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	phải đi đánh giá cơ sở; - 30 ngày đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.	tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.			4.000.000đ/ hồ sơ - Thẩm định đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ/cơ sở - Thẩm định đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở.	NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 13/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
--	--	---	---	---	--	--	--	---	--

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (29 TTHC)

1. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh (07 TTHC)

1	BYT- BTN- 286845	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	- 30 ngày. 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có Chứng	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	360.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.	
---	------------------------	--	--	--	----------	----	--------------	--	--

			chỉ hành nghề do người nước ngoài cấp.					- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	BYT- BTN- 286850	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sát nhập.	60 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	10.500.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	BYT- BTN- 286851	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	45 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	5.700.000 đồng	- Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

								<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. 	
4	BYT-BTN-286852	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	45 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. 	Mức độ 2	Có	4.300.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 	
5	BYT-BTN-286855	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	45 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. 	Mức độ 2	Có	5.700.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. 	

								<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. 	
6	BYT-BTN-286867	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	15 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. 	Mức độ 2	Có	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. 	
7	BYT-BTN-286973	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn	- 24 giờ, kể từ khi kết thúc khám đối với trường hợp khám đơn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại các cơ sở khám, chữa bệnh đủ điều kiện khám 	Mức độ 2	Có	Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015. - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013. 	

		quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II.	lê (trừ những trường hợp phải khám bổ sung theo yêu cầu). - Đối với trường hợp khám tập thể theo hợp đồng, thời gian trả kết quả thực hiện theo thỏa thuận.	sức khỏe theo quy định.				- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017.	
2. Lĩnh vực Trang thiết bị và công trình Y tế (03 TTHC)									
1	BYT-BTN-286774	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	03 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế	Mức độ 4	Không	Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018.	

								- Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	BYT-BTN-286775	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A.	03 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 4	Không	Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3	BYT-BTN-286776	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.	03 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 4	Không	Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ	- Luật số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018. - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
3. Lĩnh vực Mỹ phẩm (02 TTHC)								
1	BYT-BTN-286777	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	30 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.	Mức độ 2	Có	Lệ phí: 6.000.000 đồng	- Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

				- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.				Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
2	BYT-BTN-286778	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	05 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật Đầu tư năm 2014; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
4. Lĩnh vực Y tế Dự phòng (02 TTHC)								
1	BYT-BTN-286959	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	Cơ sở thực hiện hoạt động tiêm chủng sau khi đã thực hiện việc công bố tiêm chủng.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/12/2007. - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
2	BYT-BTN-286958	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/12/2007. - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 12/11/2018.

			tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học						
5. Lĩnh vực Dược phẩm (15 TTHC)									
1	BYT- BTN- 286937	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	15 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 3	Có	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC.	
2	BYT- BTN- 286938	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	05 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.	

3	BYT- BTN- 286939	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	05 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 3	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
4	BYT- BTN- 286940	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	05 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
5	BYT- BTN- 286941	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - 30 ngày kể từ ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 4	Có	- Thẩm định đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/hồ sơ; - Thẩm định đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC.

		bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.				lộ trình: 1.000.000đ/cơ sở. - Thẩm định đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ/cơ sở	
6	BYT- BTN- 286942	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không phải đi đánh giá cơ sở; - 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp phải đi đánh giá cơ sở.	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	- Thẩm định đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000đ/hồ sơ; - Thẩm định đối với các cơ sở bán lẻ thuốc chưa bắt buộc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc theo lộ trình: 1.000.000đ; - Thẩm định đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000đ.	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC.

		dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)							
7	BYT-BTN-286943	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	- 15 ngày đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị mất, hư hỏng. - 07 ngày đối với trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 4	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.	
8	BYT-BTN-286944	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán	15 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017.	

		buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.				- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.	
9	BYT-BTN-286945	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	05 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.	
10	BYT-BTN-286946	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017.	

11	BYT- BTN- 286949	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017.
12	BYT- BTN- 286952	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	07 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
13	BYT- BTN- 286953	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức,	07 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung	Mức độ 2	Có	Không	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/

		cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.				NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.
14	BYT- BTN- 286954	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	10 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	1.600.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. - Thông tư số 277/2016/TT-BTC. - Thông tư số 114/2017/TTBTC ngày 24/10/2017.
15	BYT- BTN- 286957	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	07 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	100.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018.

- Thông tư số 277/2016/TT-BTC.

III. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ (20 TTHC)

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1. Lĩnh vực Dược phẩm (06 TTHC)				
1	BYT-BTN-286935	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
2	BYT-BTN-286936	Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
3	BYT-BTN-286947	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ; cơ sở sản xuất thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
4	BYT-BTN-286948	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo</i>

		thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất được quy định tại Điều 50 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế		<i>Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
5	BYT-BTN-286955	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
6	BYT-BTN-286956	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.</i>
2. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh (14 TTHC)				
1	BYT-BTN-286853	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
2	BYT-BTN-286854	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>

3	BYT-BTN-286856	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
4	BYT-BTN-286857	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
5	BYT-BTN-286858	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
6	BYT-BTN-286859	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
7	BYT-BTN-286860	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
8	BYT-BTN-286861	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
9	BYT-BTN-286862	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
10	BYT-BYT-286864	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
11	BYT-BTN-286863	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo</i>

				<i>Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
12	BYT-BTN-286866	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
13	BYT-BTN-38144	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 29/01/2019 của Bộ Y tế.</i>
14	BYT-BTN-286975	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.	Thông tư số 17/2018/TT-BYT ngày 06/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế.	<i>Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 5921/QĐ-BYT ngày 28/9/2018 của Bộ Y tế.</i>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (01 TTHC)									
1. Lĩnh vực Dân số (01 TTHC)									
1	BYT-BTN-286790	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	10 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.	Mức độ 2	Có	Không	- Luật Bình đẳng giới năm 2006. - Nghị định số 39/2015/NĐ-CP Ngày 27/4/2015. - Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018.	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
I. Thủ tục hành chính mới ban hành (01 TTHC)									
1. Lĩnh vực Bảo hiểm y tế và lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh (01 TTHC)									
1	BYT-BTN-287053	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.	Sau khi xuất trình thẻ giải quyết ngay	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp tại cơ sở khám, chữa bệnh. - Cơ quan giải quyết: Cơ sở khám, chữa bệnh. 	Mức độ 2	Có	Theo quy định tại Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008; - Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/2014; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018. - Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Quyết định số 1895/1997/QĐBYT ngày 19/9/1997. - Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018. 	